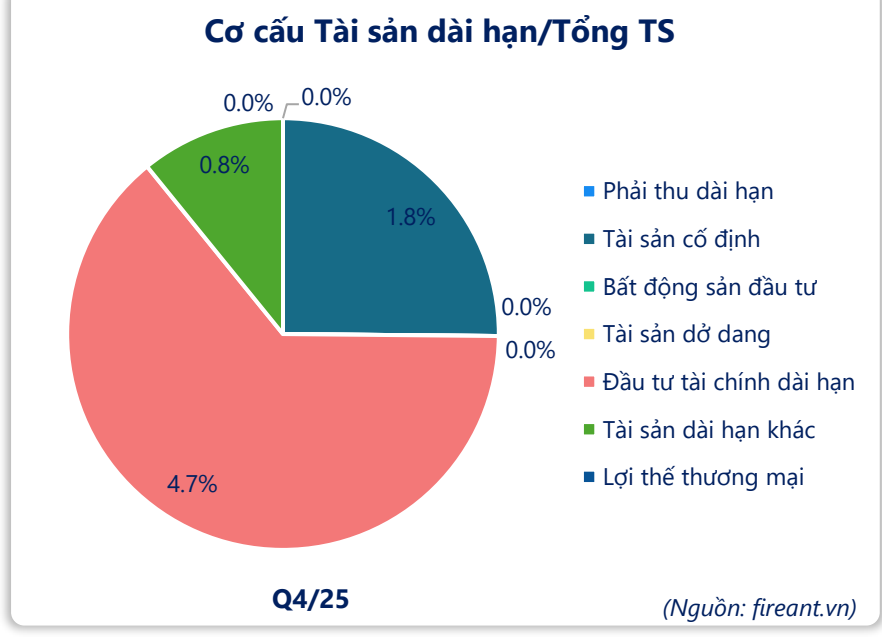
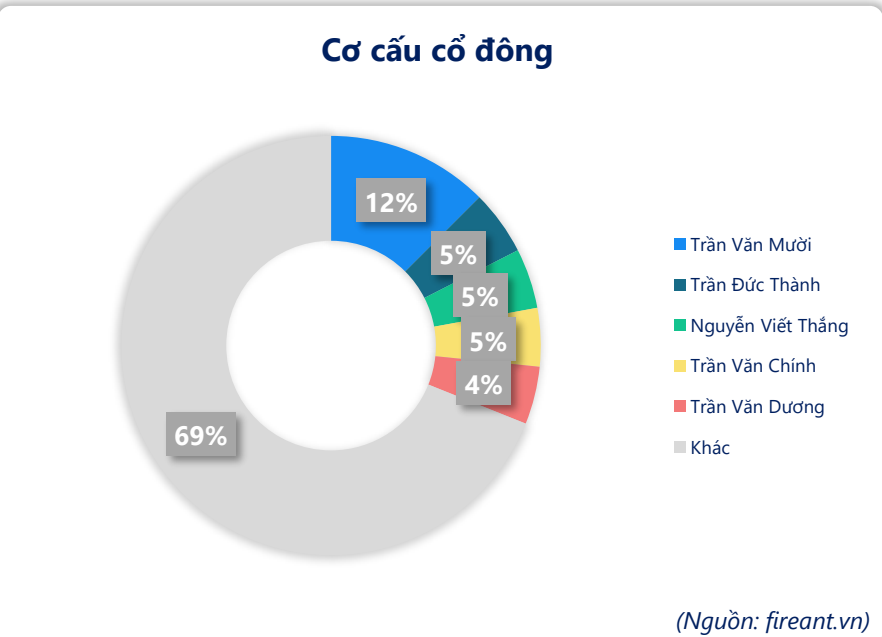
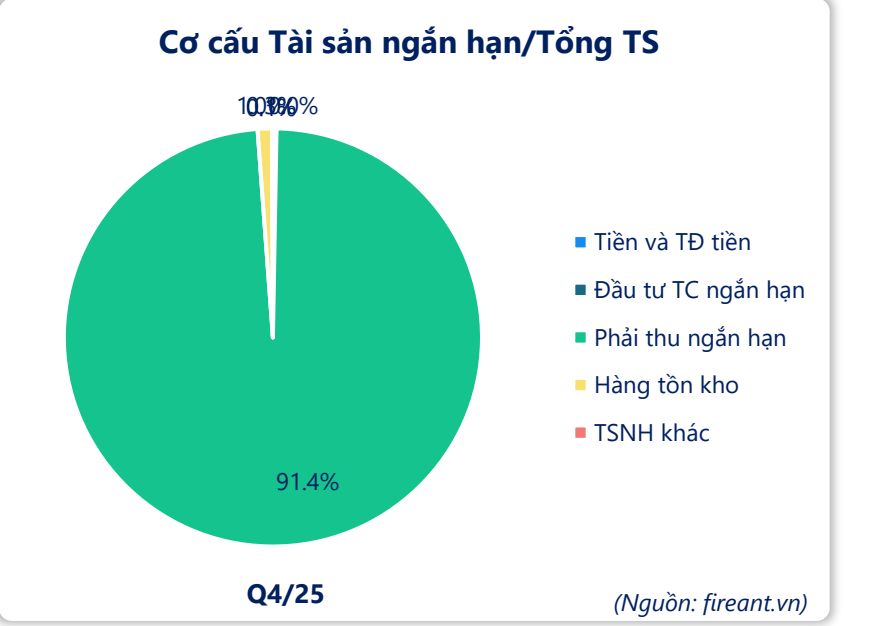
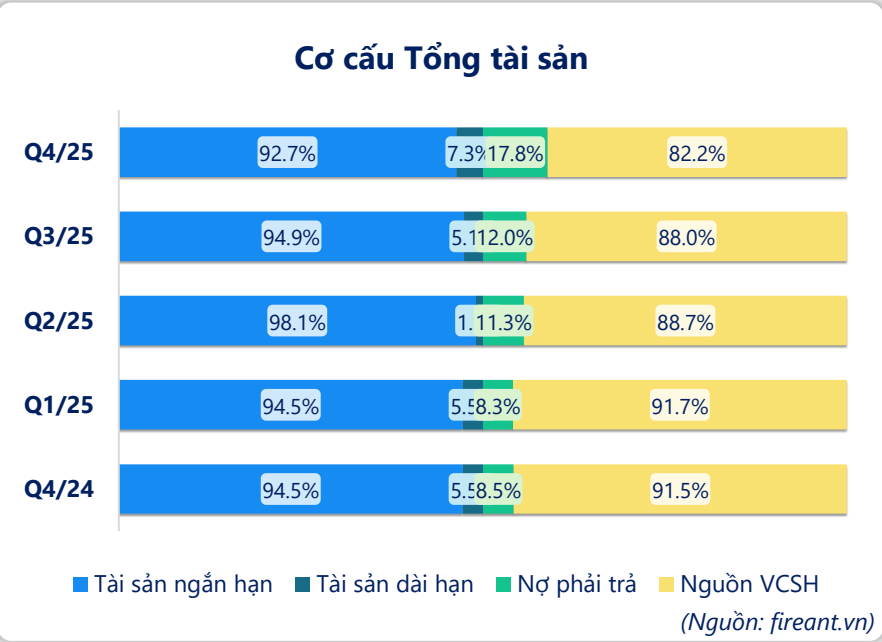
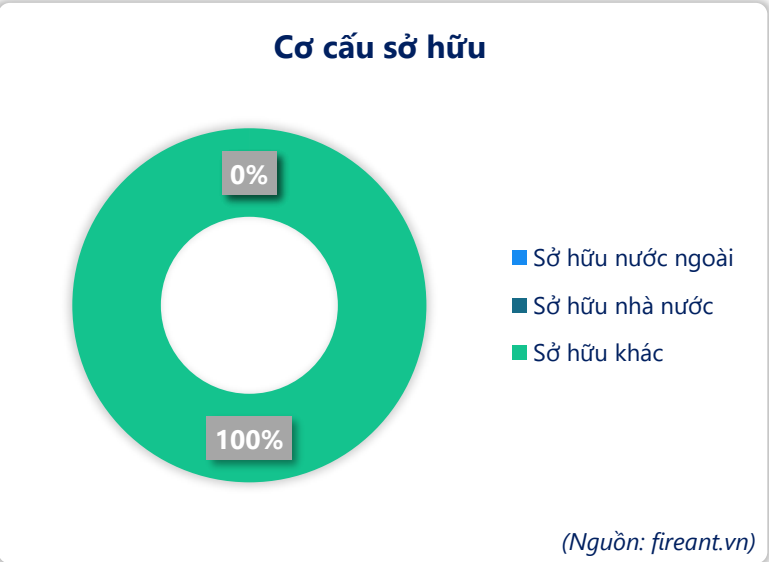
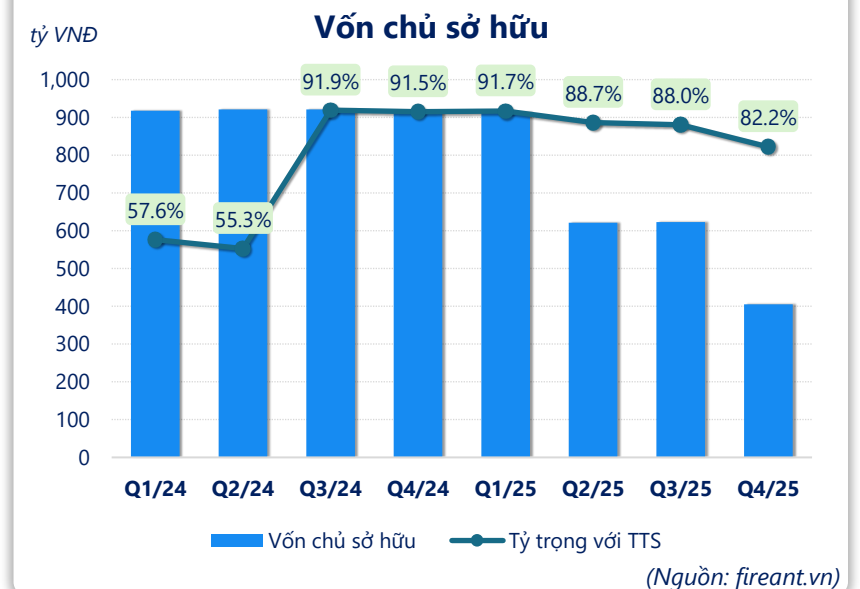
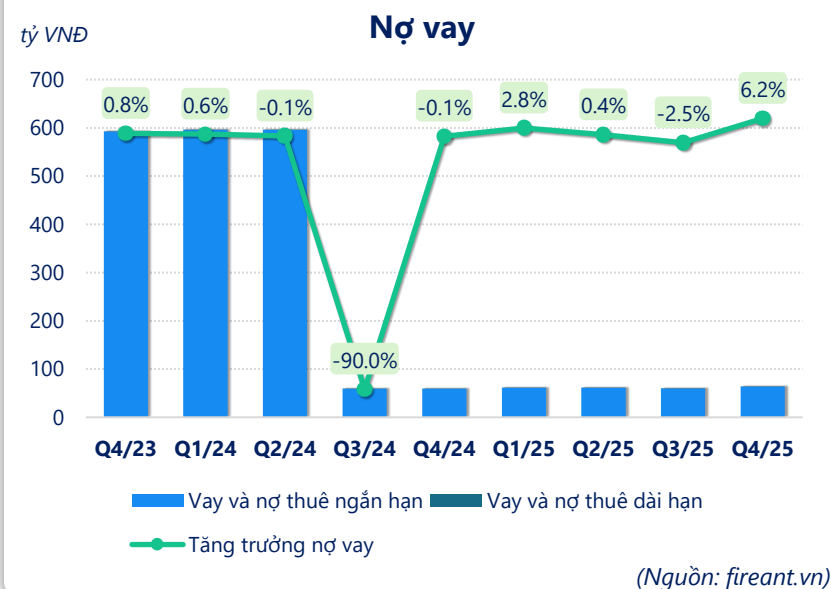
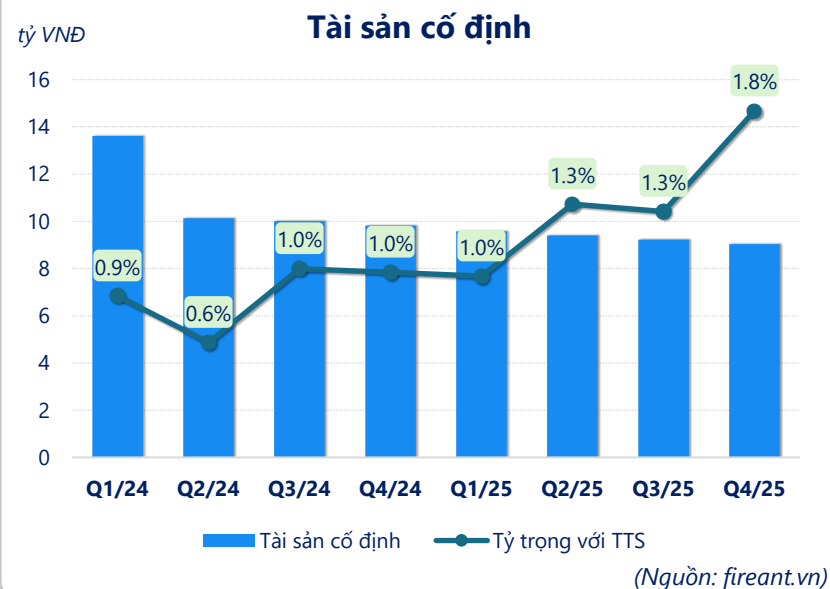
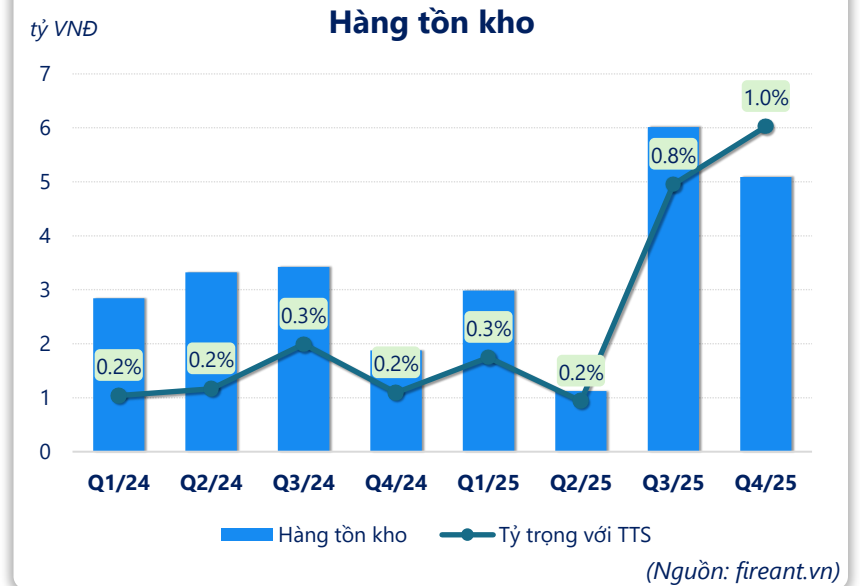
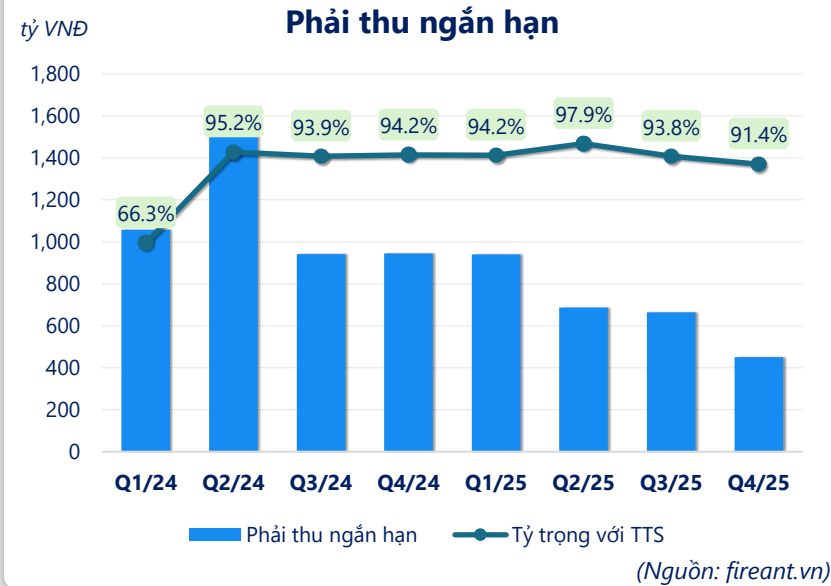
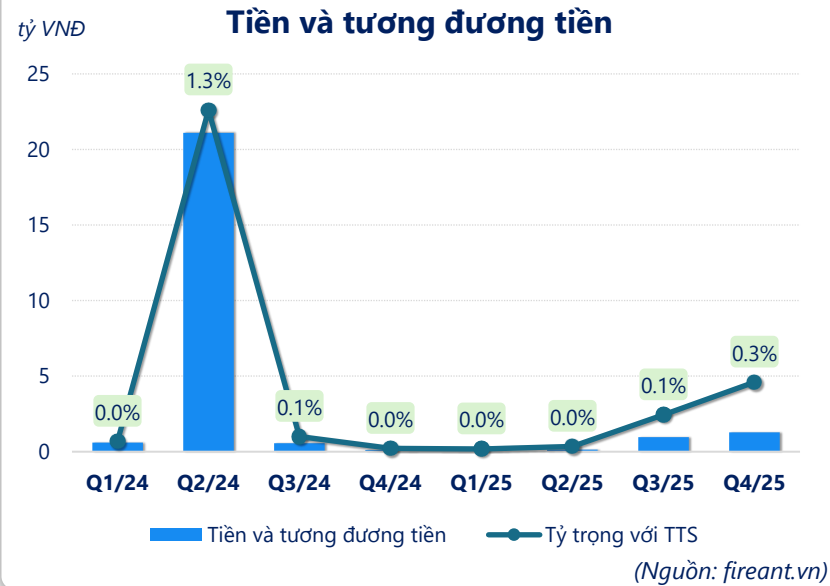
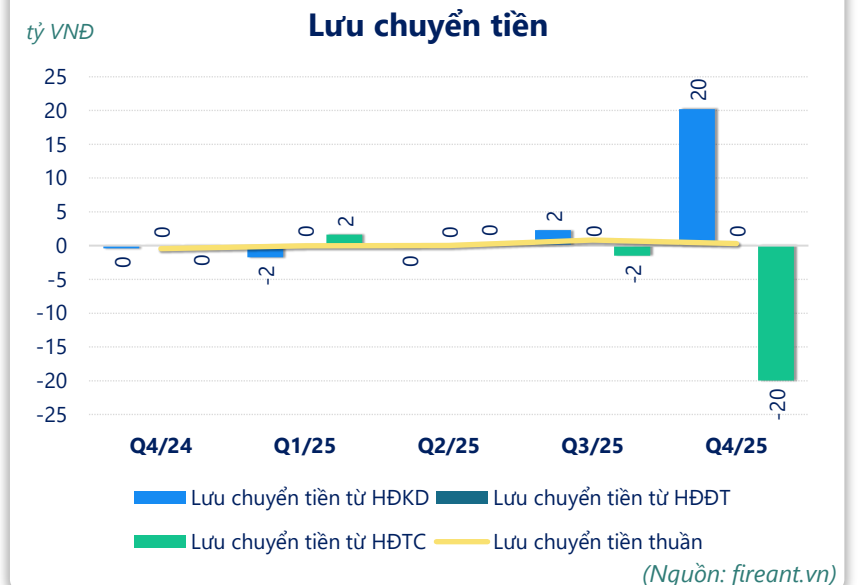
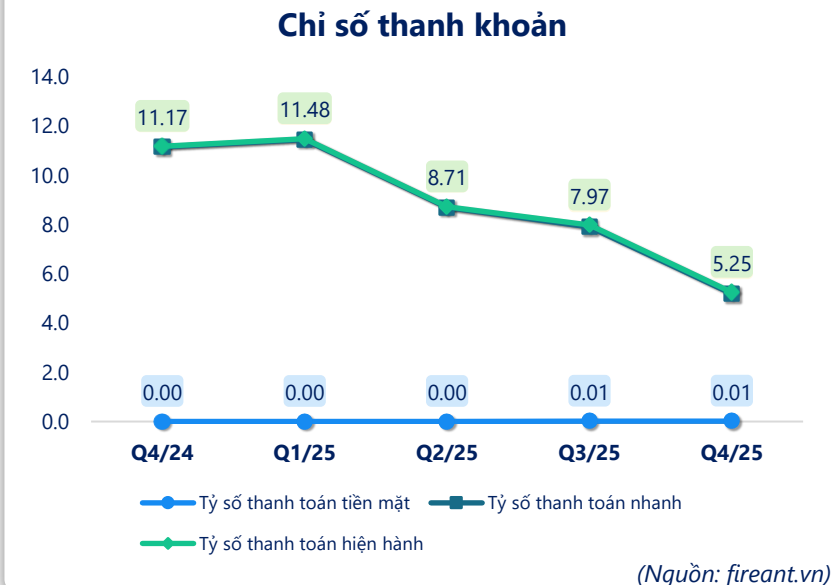
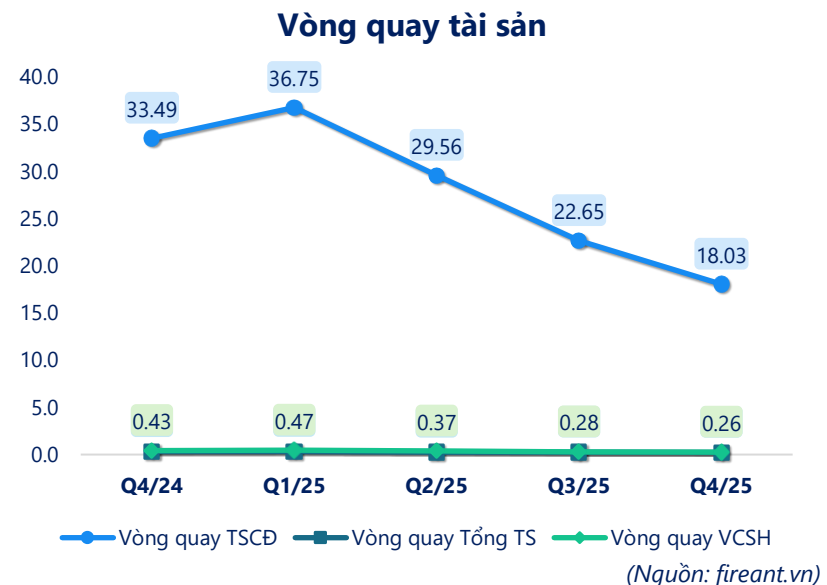
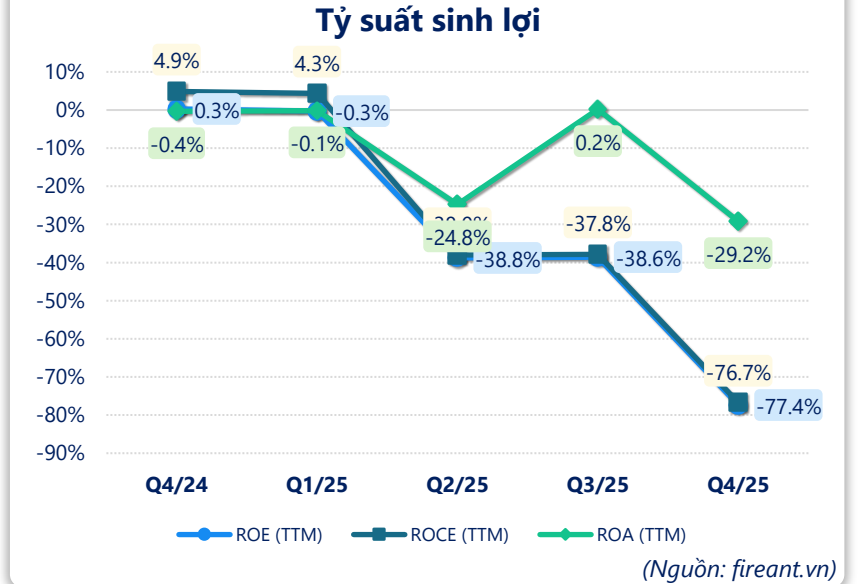
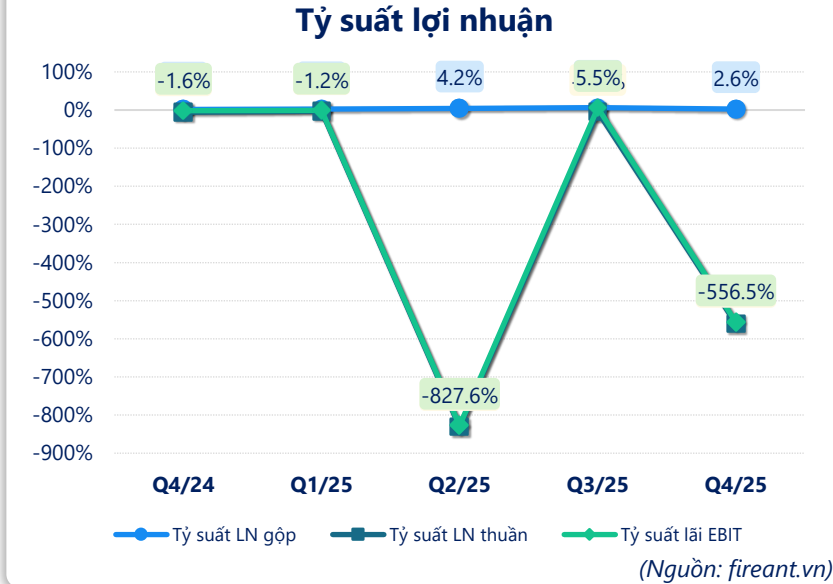
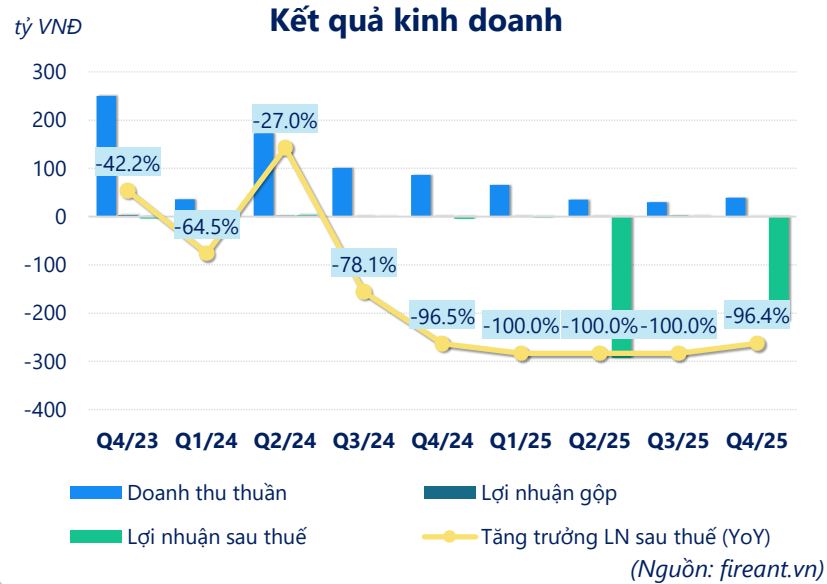


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,110
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,810
SL cổ phiếu LH		80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		309,990
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		249
P/E		-0.5
EPS		-6,391

	YTD	1T	3T	6T
ABS	-34.0%	-10.1%	-9.9%	-17.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	493	1,002	-50.8%
Tài sản ngắn hạn	457	946	-51.7%
Tiền và tương đương tiền	1.27	0.12	971%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	450	944	-52.3%
Hàng tồn kho	5.09	1.87	173%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.25	11.1%
Tài sản dài hạn	35.9	55.2	-34.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.04	9.76	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	18.5	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	23.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.90	3.99	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	87.5	85.2	2.8%
Nợ ngắn hạn	87.1	84.5	3.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.6	59.2	7.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.82	2.82	-70.8%
Nợ dài hạn	0.46	0.70	-34.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.16	0.40	-60.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	405	916	-55.8%
Vốn chủ sở hữu	405	916	-55.8%
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	86.6	65.8	35.3	30.0	38.9
Giá vốn hàng bán	85.2	64.2	33.8	28.1	37.9
Lợi nhuận gộp	1.33	1.60	1.49	1.87	1.02
Doanh thu HĐTC	-0.01	0.01	0.10	0.00	0.05
Chi phí TC	3.01	0.89	24.4	0.88	1.46
Chi phí lãi vay	3.00	0.89	1.40	0	1.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.37	1.44	1.38	1.21	1.26
Chi phí QLDN	1.74	1.08	269	1.16	216
LN thuần từ HĐKD	-4.79	-1.80	-293	-1.39	-218
Lợi nhuận khác	0.38	0.10	-0.19	3.05	0.03
LN trước thuế	-4.40	-1.70	-293	1.66	-218
Lợi nhuận sau thuế	-4.55	-1.70	-293	1.66	-218
LNST của CĐ cty mẹ	-4.55	-1.70	-293	1.66	-218

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.43	-1.74	-0.22	2.29	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.07	0.03	0.05	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	1.65	0.23	-1.51	-20.0
Tiền đầu kỳ	0.57	0.12	0.10	0.14	0.97
Lưu chuyển tiền thuần	-0.45	-0.02	0.04	0.83	0.30
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.12	0.10	0.14	0.97	1.27

(Nguồn: fireant.vn)